

UBND PHƯỜNG PHÚC LỢI
TRƯỜNG THCS NGUYỄN BÌNH KHIÊM

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: Toán 7
NĂM HỌC: 2025- 2026

A. NỘI DUNG ÔN TẬP:

I. Số học:

- 1) Thu thập phân loại và phân tích dữ liệu
- 2) Biểu đồ đoạn thẳng, biểu đồ hình quạt tròn
- 3) Biến cố và xác suất của biến cố trong một số trò chơi đơn giản.

II. Hình học

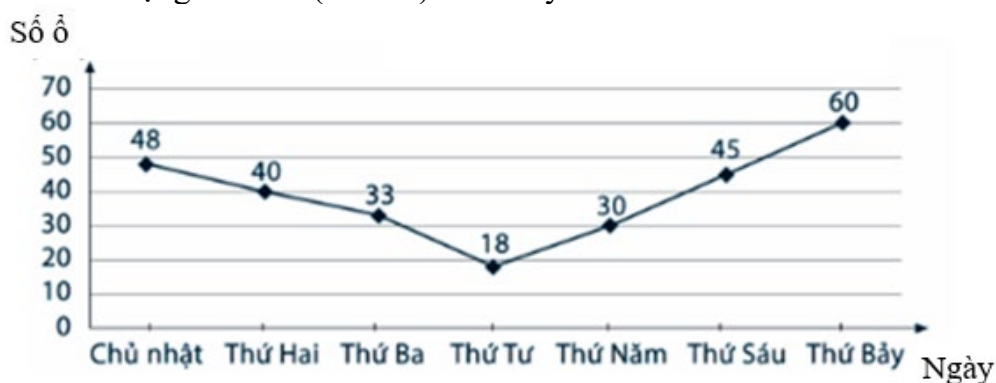
- 1) Tổng các góc của một tam giác
- 2) Quan hệ giữa góc và cạnh trong tam giác. Bất đẳng thức tam giác
- 3) Tam giác bằng nhau
- 4) Trường hợp bằng nhau thứ nhất: cạnh- cạnh- cạnh.

ĐỀ MINH HOA

ĐỀ 1

I. Trắc nghiệm. (3,0 điểm) Ghi lại vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời **đúng**:

Câu 1. Số ổ bánh mì bán được tại căng tin của một trường THCS trong một tuần được cho dưới dạng biểu đồ (Hình 1) dưới đây:

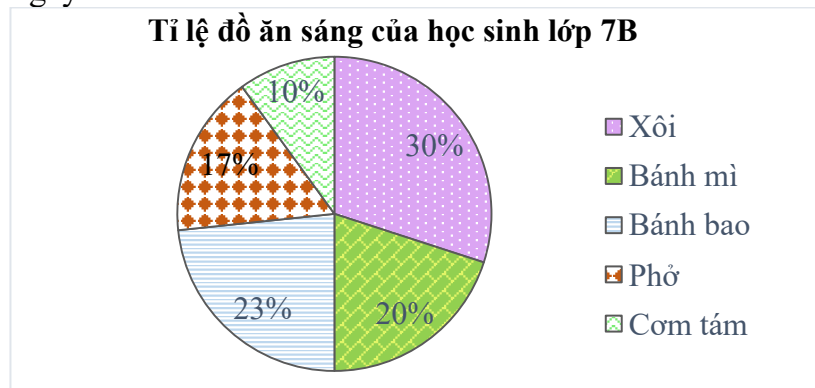


Hình 1

Số ổ bánh mì bán được trong ngày thứ năm là

- A. 30. B. 40. C. 33. D. 18.

Câu 2. Biểu đồ sau đây (Hình 2) cho biết tỉ lệ các đồ ăn sáng của học sinh lớp 7B vào ngày Thứ Hai.



Hình 2

Hai loại đồ ăn có tỉ lệ nhỏ nhất là:

- A. Xôi và bánh mì B. Bánh mì và bánh bao

C. Bánh bao và phở. D. Phở và cơm tấm

Câu 3. Gieo ngẫu nhiên xúc xắc một lần. Tập hợp B gồm các kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của xúc xắc.

A. $B = \{1 \text{ chấm}; 2 \text{ chấm}; 3 \text{ chấm}; 4 \text{ chấm}; 5 \text{ chấm}; 8 \text{ chấm}\}$

B. $B = \{1 \text{ chấm}; 2 \text{ chấm}; 3 \text{ chấm}; 4 \text{ chấm}; 5 \text{ chấm}; 7 \text{ chấm}\}$.

C. $B = \{1 \text{ chấm}; 2 \text{ chấm}; 3 \text{ chấm}; 4 \text{ chấm}; 5 \text{ chấm}; 6 \text{ chấm}\}$.

D. $B = 1 \text{ chấm}; 2 \text{ chấm}; 4 \text{ chấm}; 5 \text{ chấm}; 6 \text{ chấm}; 7 \text{ chấm}$.

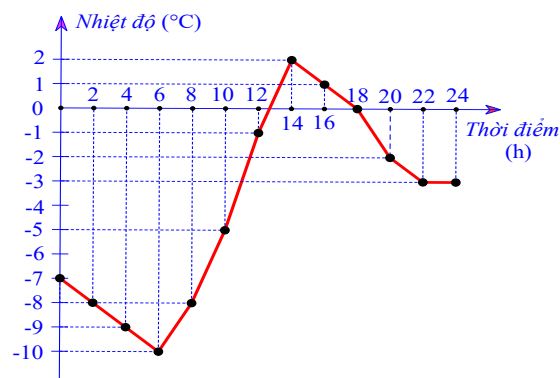
Câu 4.

Quan sát biểu đồ ở **Hình 3**.

Nhiệt độ lúc 6h là:

A. -7°C . B. -8°C .

C. -9°C . D. -10°C .



Hình 3

Câu 5. Có 5 chiếc thẻ cùng loại, mỗi thẻ được ghi một trong các số 1;2;3;4;5, hai thẻ khác nhau thì ghi hai số khác nhau. Rút ngẫu nhiên một thẻ trong hộp. Xét sự kiện “Số trên thẻ là số nguyên tố”, số kết quả thuận lợi cho biến cố trên là:

A. 1

B. 5

C. 2

D. 3.

Câu 6. Trong hộp có 100 viên bi có kích thước và trọng lượng bằng nhau, trong đó có 1 viên màu đỏ và 99 viên màu trắng. Lấy ra ngẫu nhiên 1 bi từ hộp. Tính xác suất của biến cố viên bi lấy ra màu trắng?

A. 100. B. $\frac{99}{100}$. C. 0. D. $\frac{1}{100}$.

Câu 7. Xác suất của biến cố “Mặt xuất hiện của con xúc xắc là mặt có số chia hết cho 3” trong trò chơi gieo xúc xắc là

A. $\frac{1}{3}$. B. $\frac{1}{2}$. C. $\frac{1}{6}$. D. $\frac{5}{6}$.

Câu 8. Dựa vào bất đẳng thức tam giác, kiểm tra xem bộ ba nào trong các bộ ba đoạn thẳng có độ dài cho sau đây là ba cạnh của một tam giác?

A. 1m, 2m, 3m. B. 1m, 5m, 7m.
C. 4m, 2m, 3m. D. 1m, 3m, 5m.

Câu 9. Tổng số đo hai góc nhọn của tam giác vuông bằng:

A. 30° . B. 60° . C. 45° . D. 90° .

Câu 10. Cho $\triangle GHF$, chọn đáp án **đúng** trong các đáp án sau:

A. $\widehat{G} + \widehat{H} + \widehat{F} < 180^{\circ}$. B. $\widehat{G} + \widehat{H} + \widehat{F} > 180^{\circ}$.
C. $\widehat{G} + \widehat{H} + \widehat{F} = 180^{\circ}$. D. $\widehat{G} + \widehat{H} + \widehat{F} = 100^{\circ}$.

Câu 11. Cho tam giác ABC biết $\widehat{A} = 50^{\circ}$, $\widehat{B} = 75^{\circ}$, chọn khẳng định **đúng** trong các khẳng định dưới đây:

A. $\widehat{C} > \widehat{B} > \widehat{A}$. B. $\widehat{C} < \widehat{B} < \widehat{A}$ C. $AC > AB > BC$ D. $AC < BC < AB$.

Câu 12: Ba cạnh của tam giác có độ dài 6cm, 8cm, 10cm. Góc nào lớn nhất?

A. Đối diện với cạnh có độ dài 6cm.

B. Đối diện với cạnh có độ dài 8cm

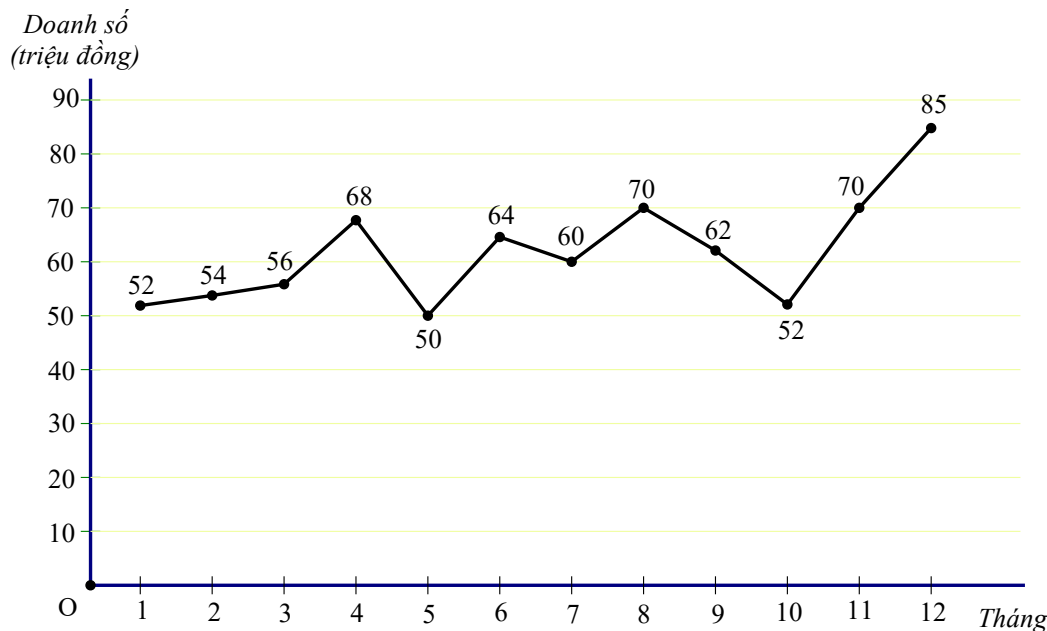
C. Đối diện với cạnh có độ dài 10cm.

D. Ba góc có số đo bằng nhau.

II. Tự luận (7,0 điểm)

Câu 13 (2,5đ). Quan sát biểu đồ **Hình 4** dưới đây và trả lời các câu hỏi.

BÁO CÁO DOANH SỐ 12 THÁNG CỦA HÀNG A



Hình 4

a) Biểu đồ trên có tên gọi là gì?

b) Tháng nào của hàng có doanh thu cao nhất? Tháng nào của hàng có doanh thu thấp nhất?

c) Doanh thu của cửa hàng tháng 11 tăng bao nhiêu phần trăm so với doanh thu của cửa hàng tháng 10? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 14 (1,5đ). Một hộp chứa 16 chiếc thẻ cùng loại, mỗi thẻ được ghi một trong các số 1, 2, 3, ..., 15, 16 thẻ khác nhau thì ghi số khác nhau. Rút ngẫu nhiên một thẻ trong hộp.

1) Viết tập hợp A gồm các kết quả xảy ra đối với số xuất hiện trên thẻ được rút ra.

2) a) Xét biến cố “Số xuất hiện trên thẻ được rút ra là số chia hết cho 2”. Tính xác suất của biến cố đó.

b) Xét biến cố “Số xuất hiện trên thẻ được rút ra là số lẻ”. Tính xác suất của biến cố đó.

Câu 15 (2,0đ). Cho tam giác DEF vuông tại D có $\widehat{E} = 50^\circ$. Kẻ tia phân giác EH của góc E (H thuộc DF)

a) Tính $\widehat{F}$; $\widehat{DEH}$

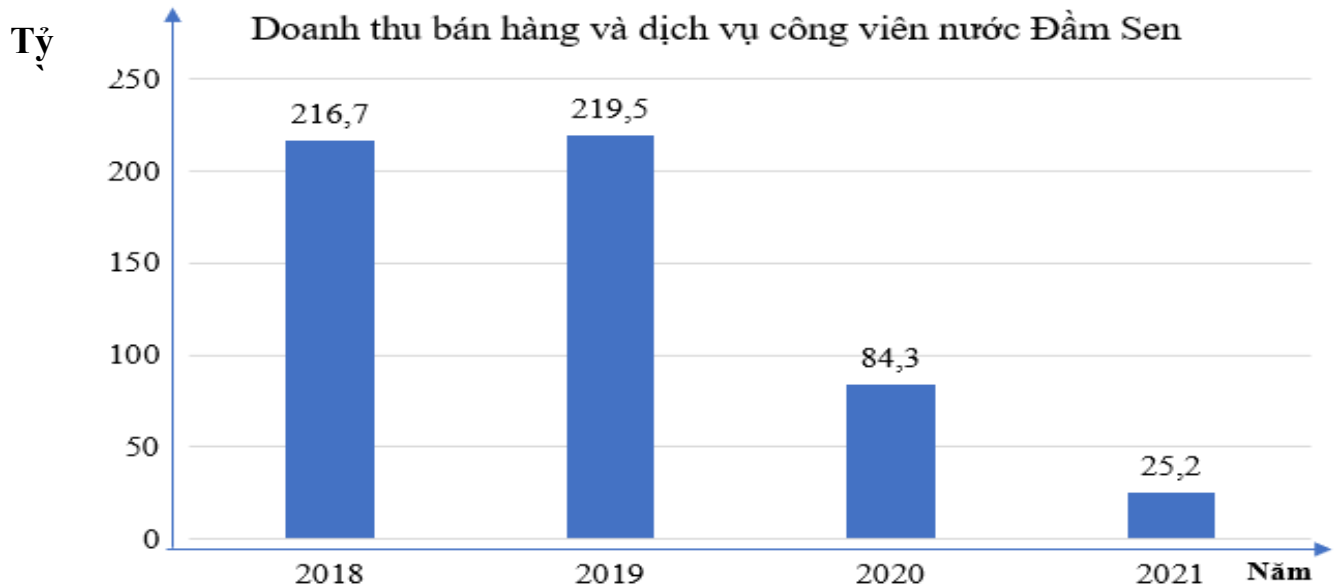
b) So sánh các cạnh của tam giác FEH

Câu 16 (1,0đ). Ba địa điểm A, B, C là ba đỉnh của tam giác ABC với $\widehat{A} = 90^\circ$ và khoảng cách giữa 2 địa điểm A và C là 500 m. Người ta đặt một loa truyền thanh tại một địa điểm nằm giữa A và B thì tại C có thể nghe tiếng loa không nếu bán kính để nghe rõ tiếng của loa là 500 m?

ĐỀ 2

I. Trắc nghiệm. (2,0 điểm) Ghi lại vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời **đúng**:

Câu 1. Kết quả thu thập thông tin doanh thu bán hàng và dịch vụ công viên nước Đà Nẵng trong các năm 2018, 2019, 2020, 2021 như sau:

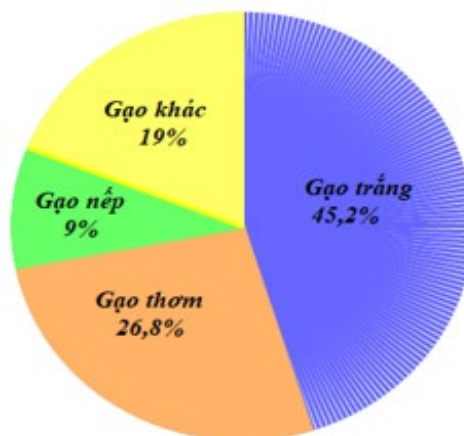


Hình 2

Dữ liệu trên được mô tả và biểu diễn năm 2019 nhiều hơn năm 2021 là bao nhiêu?

- A. 191,4 B. 194,3 C. 135,2 D. 132,4

Câu 2. Biểu đồ hình quạt tròn ở **Hình 2** biểu diễn khối lượng xuất khẩu của mỗi loại gạo trong tổng số gạo xuất khẩu (tính theo tỉ số phần trăm) trong năm 2020, Việt Nam xuất khẩu khối lượng gạo thơm nhiều hơn khối lượng gạo nếp là bao nhiêu phần trăm?



Hình 2

- A. 17,8%. B. 26,8%. C. 18,4%. D. 26,2%.

Câu 3. Gieo ngẫu nhiên xúc xắc một lần. Xác suất của biến cố "Mặt xuất hiện của xúc xắc có số chấm là số lẻ và chia hết cho 3".

- A. $\frac{1}{3}$. B. $\frac{1}{2}$. C. $\frac{1}{6}$. D. 1.

Câu 4. Chọn ngẫu nhiên 1 số trong 4 số sau: 7; 8; 26; 101. Số kết quả thuận lợi cho biến cố "chọn được số **không chia hết cho 4**" là:

- A. 0. B. 1. C. 2. D. 3.

Câu 5. Dựa vào bất đẳng thức tam giác, kiểm tra xem bộ ba số nào trong các bộ ba đoạn thẳng có độ dài cho sau đây là ba cạnh của một tam giác?

A. 2cm, 3cm, 6cm.

B. 3cm, 4cm, 6cm.

C. 2cm, 4cm, 6cm.

D. 2cm, 3cm, 5cm

Câu 6. Cho $\triangle ABC$ và $\triangle DEF$ có $AB = DE$; $BC = EF$. Để hai tam giác trên bằng nhau theo trường hợp cạnh-cạnh-cạnh thì:

A. $AC = DF$. B. $AB = DF$. C. $BC = DE$. D. $AC = EF$.

Câu 7. Cho tam giác ABC biết $\hat{B} = 50^\circ$, $\hat{C} = 45^\circ$, chọn khẳng định **đúng** trong các khẳng định dưới đây:

A. $\hat{C} < \hat{B} < \hat{A}$.

B. $\hat{C} < \hat{B} > \hat{A}$

C. $AB > AC > BC$

D. $AC < BC < AB$.

Câu 8. Cho $\triangle ABC = \triangle MNP$ biết $\hat{A} = 40^\circ$ và $\hat{P} = 70^\circ$, số đo $\hat{B}$ bằng:

A. 40° .

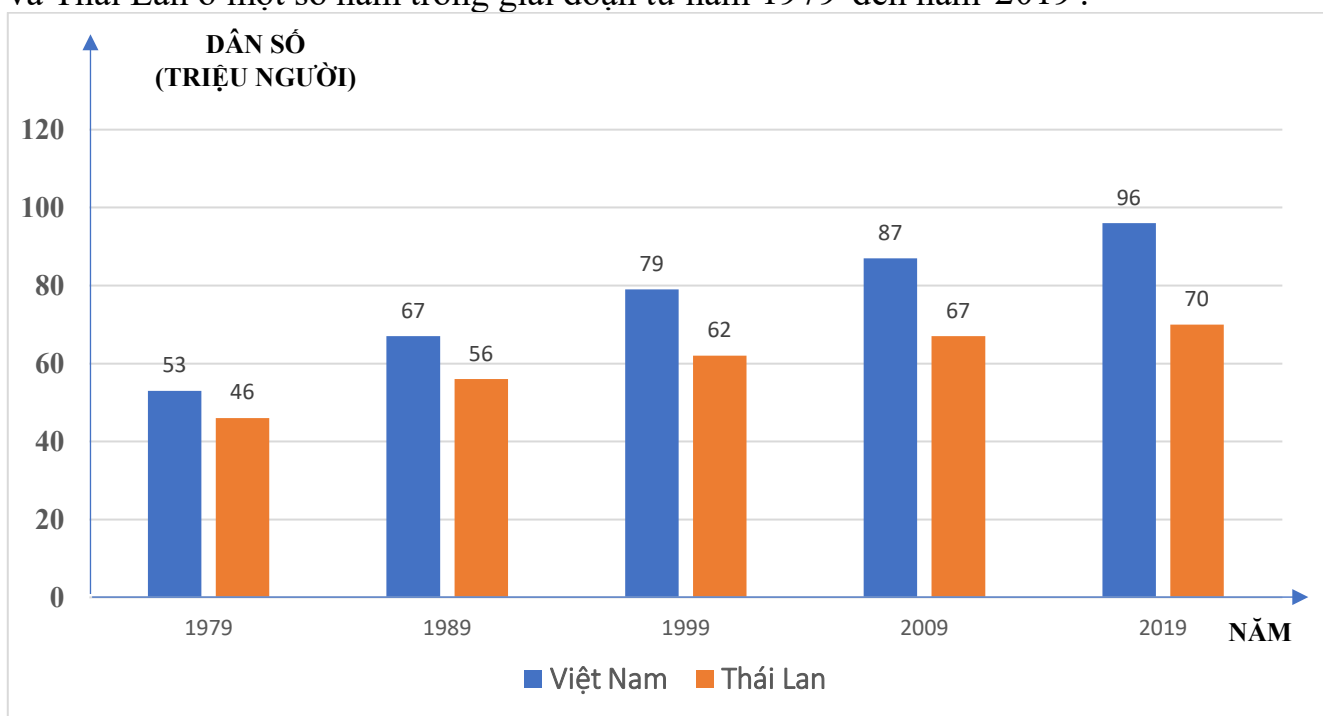
B. 50° .

C. 20° .

D. 70° .

II. Tự luận (8,0 điểm)

Câu 9 (2,5đ). Biểu đồ cột kép ở Hình 1 dưới đây biểu diễn dân số (ước tính) của Việt Nam và Thái Lan ở một số năm trong giai đoạn từ năm 1979 đến năm 2019.



Hình 1

a. Hoàn thành số liệu ở bảng sau:

Năm	1979	1989	1999	2009	2019
Dân số Việt Nam (triệu người)					
Dân số Thái Lan (triệu người)					

b. Trong giai đoạn từ năm 1979 đến năm 2019, dân số Việt Nam năm nào có số dân nhiều nhất? Năm nào có số dân ít nhất?

c. Ở Thái Lan số dân năm 2009 giảm bao nhiêu phần trăm so với năm 2019 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)?

Câu 10 (1,5 đ). Một hộp có 5 cái thẻ có kích thước giống nhau và được đánh số lần lượt là 1, 2, 4, 7, 9. Rút ngẫu nhiên một thẻ trong hộp.

a. Viết tập hợp A gồm các kết quả có thể xảy ra đối với số xuất hiện trên thẻ được rút ra.

b. Tính xác suất của các biến cố:

M : “Rút được thẻ ghi số là số lẻ”;

N : “ Rút được thẻ ghi số là hợp số” .

Câu 11 (3,0đ). Cho tam giác MNP có $MN=MP$, gọi I là trung điểm của NP

a. Chứng minh: $\triangle MIN = \triangle MIP$

b. Chứng minh: MI là tia phân giác của $\widehat{NMP}$

c. Tia đối NM lấy điểm E, tia đối PM lấy điểm F sao cho $NE=PF$. Gọi Q là trung điểm của EF. Chứng minh: M, I, Q thẳng hàng

Câu 12 (1,0đ). Cho tam giác ABC và điểm O nằm trong tam giác đó.

Chứng minh rằng: $OA + OC < AB + BC$

BGH duyệt

Nhóm trưởng CM

Giáo viên

Kiều Thị Hải

Trương Thị Mai Hằng

Nguyễn Thị Thu